

NHỮNG GIẢI PHÁP VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thanh Tùng

Viện Nhà nước và Pháp luật

Tác giả liên hệ: nguyenthantung@isl.gov.vn

Ngày nhận: 10/10/2022

Ngày nhận bản sửa: 15/10/2022

Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

Tóm tắt

Bài viết phân tích quan niệm về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thực trạng và những rào cản trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay, từ đó, kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ chế, chính sách, nông nghiệp công nghệ cao.

Opportunities and Challenges Encountered by High-tech Agriculture in Vietnam and Policy Options

Abstract

The article analyzes the concept of hi-tech agricultural development, statu-quo and current barriers to the development of high-tech agriculture in Vietnam, thereby recommending solutions on mechanisms and policies in the coming time.

Keywords: Mechanisms, policies, high technology farming.

1. Đặt vấn đề

“Nông nghiệp Việt Nam hiện nay, theo Báo cáo Việt Nam 2035, đang đứng trước ngã 3 đường. Điều đó có nghĩa là đã đến lúc chúng ta phải chọn một con đường khác để đi, không thể cứ “nhùng nhằng” đứng ở giữa được nữa. Nguyên nhân là bị cạnh tranh về nguồn nhân lực, về đất, về nước do quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp, dịch vụ cũng như hạ tầng ở Việt Nam đã lấy đi rất nhiều đất và nguồn nước của nông nghiệp. Thứ hai là chi phí tăng lên, giá đầu vào cũng tăng liên tục khiến cho năng lực cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam bị giảm sút đi qua việc sử dụng quá mức vật tư và tài nguyên. Thứ ba là cơ hội và thách thức rất lớn trên thị trường quốc tế hiện nay, nó đòi hỏi chúng ta phải tạo ra những sản phẩm được tin cậy, có chất lượng, an toàn cho người sử dụng và bền vững. Đó là những yếu tố quyết định về khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong tương lai. Việt Nam không thể đứng vững trong top 5 nước xuất khẩu nông

phẩm nếu nông phẩm của chúng ta không đáng tin cậy, chất lượng không đạt chuẩn, không an toàn cho người tiêu dùng hoặc nó không mang tính chất bền vững” [1]. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao được coi là một trong những giải pháp mang tính đột phá để đổi mới nông nghiệp, nhằm đạt được những lợi ích kinh tế rộng lớn hơn trong khi sử dụng ít hơn các đầu vào, chuyển sang thực hành sản xuất nông nghiệp dựa vào tri thức đi cùng với những sự điều chỉnh về chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Quan niệm về phát triển nông nghiệp công nghệ cao

Trên thế giới, có nhiều khái niệm liên quan đến nông nghiệp công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Theo quan niệm của các nước phát triển thì nông nghiệp công nghệ cao là nền nông nghiệp tiên tiến, hiện đại hóa, cơ giới cao, trên cơ sở vận dụng những thành tựu công nghệ sinh học, sinh thái và môi trường; hướng tới sự phát triển bền vững, an toàn; đảm bảo tạo ra sự phát triển bền

vững, an toàn; đảm bảo tạo ra nông sản với đủ số lượng và chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của xã hội và không làm thay đổi môi trường [2]. Như vậy, nông nghiệp công nghệ cao có thể được coi là việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Theo Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ấn Độ [3], nông nghiệp công nghệ cao chủ yếu đề cập đến các hoạt động nông nghiệp liên quan đến các công nghệ mới nhất. Đây là một nền nông nghiệp thâm dụng vốn vì cần phải có vốn lớn để mua thiết bị chuyên dụng, bảo trì tài sản, đào tạo lao động. Nông nghiệp công nghệ cao chủ yếu liên quan đến hệ thống canh tác thương mại nhằm phục vụ theo nhu cầu của cả thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Nó sử dụng công nghệ canh tác để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng cao (thường không có thuốc trừ sâu) và tăng giá trị thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Theo tác giả Lê Linh thì nông nghiệp công nghệ cao là nền nông nghiệp ứng dụng hợp lý những công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng nông sản, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của xã hội và bảo đảm sự phát triển nông nghiệp bền vững [4]. Còn theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì nông nghiệp công nghệ cao là nền nông nghiệp có sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ quản lý nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao của nông sản hàng hóa đảm bảo phát triển bền vững [5].

Tuy có nhiều cách định nghĩa khác nhau về nông nghiệp công nghệ cao, nhưng đều có điểm chung và nông nghiệp công nghệ cao chính là sự áp dụng triệt để những thành tựu của khoa học công nghệ (KH-CN) vào sản xuất nông nghiệp, từ đó, thay đổi phương thức sản xuất, gia tăng hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Và để phát triển nông nghiệp công nghệ cao, cần đến các điều kiện đảm bảo bao gồm: cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý, vốn, nhân lực, KH-CN...

3. Thực trạng và những rào cản trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam

Nhận thức được tầm quan trọng của nông nghiệp công nghệ cao, Nhà nước đã có nhiều chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Điển hình là Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp công nghệ cao; Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020...

Một số các khu nông nghiệp công nghệ cao đã được hình thành, và xu hướng áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp ở Việt Nam đang ngày càng phát triển, mặc dù quy mô còn nhỏ. Đến nay, cả nước có 12 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, được các địa phương công nhận; có 51 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận. Mặt khác, Bộ cũng đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Các tiến bộ về khoa học - công nghệ đã đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Mức độ tổn thất của nông sản giảm đáng kể, trong đó, tổn thất của lúa gạo đã giảm xuống dưới 10%. Mức độ có giới hạn ở khâu làm đất đối với các loại cây hằng năm (lúa, mía, ngô, rau màu) đạt khoảng 94%, khâu thu hoạch đạt 50% (các tỉnh đồng bằng đạt 90%) [6]... Đặc biệt là những ứng dụng mô hình sản

xuất mới, công nghệ mới đã giúp người dân kiểm soát được dịch bệnh, chủ động trong kế hoạch sản xuất, khắc phục được tính mùa vụ, tránh được rủi ro thời tiết, sâu bệnh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn xuất phát từ những rào cản về mặt thể chế, cũng như những nguyên nhân chủ quan và khách quan đem lại.

Thứ nhất, tư liệu sản xuất cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cần có quỹ đất lớn, có vị trí thuận lợi cho lưu thông để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất đồng bộ, nhưng đất nông nghiệp ở Việt Nam hiện bị phân tán, thành nhiều thửa với diện tích rất nhỏ. Cả nước hiện có hơn 11 triệu héc ta đất sản xuất nông nghiệp với 78 triệu mảnh ruộng và trên 8,5 triệu nông hộ. Trong đó, có hơn 70% số hộ có tổng diện tích dưới 0.5 héc ta, chỉ có 3,4% số hộ có diện tích trên 3 héc ta [7]. Trong khi đó, quá trình tập trung đất đai còn khó khăn do quy định hạn điền và thời gian sử dụng đất còn nhiều bất cập.

Hạn mức sử dụng đất (hạn điền) là một trong những rào cản lớn đối với phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam và tạo rủi ro pháp lý cho người có đất vượt hạn mức nhận chuyển quyền. Hiện nay, khi bàn về hạn điền, các nhà khoa học thường đề cập đến ba vấn đề: Hạn mức giao đất nông nghiệp; hạn mức chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; thời hạn giao quyền sử dụng đất nông nghiệp. Quy định về hạn điền và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Điều 129 và Điều 130 Luật Đất đai năm 2013. Theo đó:

1. Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: a) Không quá 03 héc ta cho mỗi loại đất đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long; b) Không quá 02 héc ta

cho mỗi loại đất đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

2. Hạn mức giao đất trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 héc ta đối với các xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 30 héc ta đối với các xã phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

3. Hạn mức giao đất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 héc ta đối với mỗi loại đất: a) Đất rừng phòng hộ; b) Đất rừng sản xuất.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 héc ta.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05 héc ta đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng; không quá 25 héc ta đối với xã, phường, thị trấn ở trung du, miền núi.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất rừng sản xuất thì hạn mức giao đất rừng sản xuất không quá 15 héc ta.

Về hạn mức chuyển quyền sử dụng đất, hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 129 của Luật Đất đai 2013.

Quy định này dẫn đến tình trạng người có nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất để áp dụng công nghệ cao thì lại không được phép nhận chuyển quyền vượt hạn mức cho phép, buộc họ phải “lách luật” nhờ người thân đứng tên giúp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này tiềm ẩn rủi ro pháp lý và rất dễ phát sinh tranh chấp đất đai: Khả năng được giải ngân khi vay vốn để sản xuất rất ít, người đứng tên trong giấy chứng nhận có thể đem quyền sử dụng đất đó cho người khác dẫn đến tranh chấp đất đai. Người không trực tiếp bỏ vốn vào để mua đất nhưng lại đứng tên trong giấy chứng nhận, khi xảy ra tranh chấp, rủi ro pháp lý thuộc bên nhờ người khác đứng tên giùm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là rất cao. Chính vì

vậy, những nông dân có tâm huyết với nghề, muốn áp dụng KHCN tiên tiến để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn sẽ khó lòng an tâm đầu tư sản xuất.

Các doanh nghiệp nông nghiệp muốn áp dụng công nghệ cao vào sản xuất cũng cần diện tích đất rất lớn, nhưng lại gặp khó khăn trong việc tích tụ đất đai xuất phát từ quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa các bên liên quan.

Hiện nay, hầu hết diện tích đất nông nghiệp được giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài. Trong khi đó, quỹ đất tương tự do Nhà nước quản lý không còn nhiều để cho doanh nghiệp thuê sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Vậy nên, nếu doanh nghiệp muốn tích tụ đất phục vụ sản xuất thì phải ký hợp đồng với hàng chục, thậm chí hàng trăm hộ gia đình nông dân mới có đủ đất để triển khai thực hiện dự án nông nghiệp. Trường hợp này, việc thỏa thuận, thương lượng, bồi thường rất khó khăn, phức tạp, kéo dài do không ít hộ gia đình đưa ra mức tiền bồi thường quá cao. Muốn tiếp cận được đất đai, doanh nghiệp phải mất rất nhiều thời gian, công và tiền bạc [8]. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp muốn phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở quy mô lớn nhưng lại vướng mắc do quy định về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp, tức là, hạn mức này là quá nhỏ so với nhu cầu về đất đai của doanh nghiệp.

Thứ hai, nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Đầu tư cho KHCN trong đầu tư ngân sách chiếm tỷ lệ nhỏ so với GDP trong thập niên qua. Về tổng thể, tổng mức đầu tư xã hội cho KHCN còn thấp và chưa bắt kịp xu hướng quốc tế. Cả khu vực Nhà nước và tư nhân, chi cho KHCN của Việt Nam năm 2018 chỉ khoảng 0,44% GDP, khá thấp so với bình quân của thế giới là 2,23% GDP (Thái Lan 0,78%; Singapore 2,2%; Malaysia 1,3%, Trung Quốc 2,1%) [9]. Theo kinh nghiệm của các nước thì để thoát bẫy thu nhập trung bình, các nước đều phải đầu tư cho KHCN ở mức 1% là tối thiểu để tăng năng suất lao động và thu nhập của người lao động.

Hiện nay, hoạt động KHCN phần lớn được đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Điều này đã được cụ thể hóa rõ nét ở Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KHCN. Bình quân hàng năm, đầu tư ngân sách Nhà nước cho hoạt động KHCN với mức kinh phí vào khoảng 1,4-1,85% tổng chi ngân sách Nhà nước, chiếm từ 0,4 đến 0,6% GDP.

Việc xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao đòi hỏi vốn đầu tư cơ sở hạ tầng lớn, nên khả năng thu hồi vốn chậm, các doanh nghiệp có nguồn vốn thấp khó có thể tham gia đầu tư. Nhà nước hiện cũng đã có chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã phần nào đáp ứng được nhu cầu vốn khởi nghiệp và kinh doanh của các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, có đến 70% doanh nghiệp nông nghiệp kêu khó tiếp cận tín dụng. Tài sản của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chủ yếu là nhà lưới, nhà kính..., song, những tài sản và chi phí này hiện chưa được tính vào giá trị đảm bảo của khoản vay và danh mục tài sản thế chấp [10].

Đã có nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam, song, đa phần các nhà đầu tư đến từ các nước có công nghệ chưa cao, còn những nước có nền công nghệ hiện đại như Mỹ, EU... thì chúng ta chưa thu hút được nhiều dự án FDI vào nông nghiệp. Không chỉ vậy, phần lớn các dự án FDI là quy mô nhỏ [11].

Thứ ba, công tác quy hoạch ngành nông nghiệp còn chậm, chưa hướng tới việc cải thiện năng lực cạnh tranh sản phẩm nông, lâm, thủy sản; vốn đầu tư cho ngành và trong nội bộ ngành còn dàn trải, thiếu tập trung cho ngành, sản phẩm lợi thế cũng như sản phẩm ứng dụng công nghệ cao; sự gắn kết giữa các ngành, các ngành với địa phương trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện tìm đầu ra cho nông sản hiệu quả chưa cao, kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế; thiếu đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đầu đàn.

Bên cạnh đó, tình trạng phát triển công nghiệp nông thôn chưa đồng bộ với xây dựng hạ tầng môi trường dẫn đến tình trạng ô nhiễm gia tăng. Việc nghiên cứu và triển khai tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là các giống mới có chất lượng cao vào sản xuất còn hạn chế. Việc xây dựng và quảng bá các thương hiệu sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản, qua đó, góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ cho nông dân chưa tốt. Việc phối hợp giữa các ngành, các cấp, trong đó, có sự phối hợp giữa doanh nghiệp, người nông dân, nhà khoa học và chính quyền địa phương tham gia vào phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến nay vẫn chưa hoàn thiện, đồng bộ [12].

Thứ tư, nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao của Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu. Trong bất cứ lĩnh vực nào có ứng dụng KH&CN, nguồn lực luôn có vị trí then chốt, phát triển nông nghiệp cao cũng không phải ngoại lệ. Để đáp ứng được điều đó, tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo cần đạt từ 40-50% tổng số lao động nông nghiệp. Xác định tỷ lệ này là khá khiêm tốn, do đã tính tới các yếu tố phát triển xã hội đi kèm. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo cần đạt từ 85-90% mới bảo đảm được chất lượng nguồn nhân lực cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bởi lẽ, để ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, rất cần những người nông dân công nghệ cao, nhưng hiện nay, phần lớn nông dân vẫn chưa thích ứng được phương thức sản xuất này vì sự tốn kém, đầu tư và kỹ năng vận hành máy móc, công nghệ không giống thói quen sản xuất thủ công nên gây tác động không nhỏ đối với quá trình phát triển của nông nghiệp công nghệ cao [13]. Theo số liệu tính toán, tính đến năm 2020, Việt Nam vẫn còn thiếu khoảng 3,2 triệu nhân lực nông nghiệp đã qua đào tạo. Không những vậy, lao động nông nghiệp Việt Nam đang ở độ tuổi cao và thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao [14].

Thứ năm, về mặt vĩ mô, trong những năm gần đây, sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chưa tương xứng với chuyển dịch dân cư và lao động giữa thành thị và nông thôn.

Công nghiệp và dịch vụ phát triển không đủ nhanh để thu hút lao động từ nông nghiệp và nông thôn nên số lượng và tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn quá lớn so với yêu cầu của nền kinh tế công nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Tình trạng lao động dư thừa đang tăng nhanh bởi tình trạng mất đất của nông dân, thu hồi đất cho đô thị hóa, công nghiệp hóa. Sức hấp dẫn của đô thị chỉ lôi kéo lao động nông thôn (chủ yếu là những người thuần nông) ra thành thị mang tính chất thời vụ, chưa thể hóa thân thành lao động phi nông nghiệp đích thực. Việc giải quyết lao động trong ngành nông nghiệp diễn ra nhiều năm nhưng chưa đạt nhiều hiệu quả. Sức hút lao động từ các ngành phi nông nghiệp còn yếu. Sự phát triển của lực lượng doanh nghiệp ở nông thôn không đủ mạnh nên chưa thúc đẩy sự chuyển dịch nhanh lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Hoạt động sản xuất nông nghiệp xuất hiện một số xu hướng lệch lạc do chạy theo lợi nhuận trước mắt, làm tổn hại sức khỏe con người và ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái. Trình độ phát triển kinh tế nông thôn còn thấp so với yêu cầu phát triển xanh và bền vững. Điều này cũng ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay.

Thứ sáu, thiếu một chiến lược bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hợp lý để thúc đẩy sản xuất cũng như kinh doanh mặt hàng nông sản nói chung, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao nói riêng.

Thực tế gần đây cho thấy các nhà sản xuất, xuất khẩu nông sản Việt Nam vẫn còn nhiều bất ngờ đối với các vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ, nhất là, về sự cần thiết có một chiến lược cụ thể, lâu dài, cũng như về cách xây dựng chiến lược này. Sự thiếu quan tâm, chú ý tới tài sản trí tuệ của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có thể dẫn đến nhiều bất lợi trực tiếp, cụ thể như bị mất thương hiệu tại thị trường mới (ví dụ, vụ cà phê Trung Nguyên ở thị trường Mỹ, nước mắm Phú Quốc ở thị trường Trung Quốc, Úc và Mỹ hay như gần đây nhất là vụ tên giống lúa ST25 bị doanh nghiệp

nước ngoài đăng ký như thương hiệu cho sản phẩm gạo), hay mất quyền đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ (quyền đối với giống cây trồng, sáng chế...).

Một mặt, mất quyền tài sản trí tuệ sẽ đồng nghĩa với mất vị trí của doanh nghiệp trên thị trường, vốn rất nhiều cạnh tranh, ảnh hưởng tới sự sống còn của doanh nghiệp. Mặt khác, khi chi phí bỏ ra cho phát triển nhãn hiệu hay cho nghiên cứu sáng tạo không phải là nhỏ, thì việc mất quyền tài sản trí tuệ cũng đồng nghĩa với thiệt hại tài chính đáng kể cho doanh nghiệp [15]. Hiện cả nước có khoảng hơn 900 sản phẩm nông sản được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó, có 61 chỉ dẫn địa lý và khoảng 866 nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể được đăng ký, được bảo hộ (tính đến tháng 3/2019) và có rất ít nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài. Bên cạnh đó, có khoảng 80% số nông sản Việt Nam hiện nay xuất khẩu thô, không nhãn mác, thương hiệu [16].

4. Kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp hiện nay không còn phù hợp với tình hình phát triển nông nghiệp của nước ta, đặc biệt phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chính vì vậy, pháp luật cần sớm thay đổi hạn mức này theo hướng mở rộng diện tích được nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp, tiến tới bỏ hẳn hạn mức để mở đường cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao với quy mô lớn. Sự cải cách này còn mang ý nghĩa giảm thiểu những rủi ro không đáng có đối với người có đất vượt hạn mức nhận chuyển quyền. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần xem trọng việc tạo thêm điều kiện để các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là các doanh nghiệp nông nghiệp có thể tiếp cận trực tiếp nhiều hơn với đất nông nghiệp như mở rộng các dự án sử dụng đất nông nghiệp có ưu tiên cho các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, loại

bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết trong quá trình bồi thường cho cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp; giảm bớt các loại lệ phí đối với các doanh nghiệp này nhằm giúp cho các doanh nghiệp có thêm nguồn lực để đầu tư, phát triển các dự án nông nghiệp công nghệ cao.

Thứ hai, đa dạng các nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao thông qua khuyến khích thu hút các tổ chức, cá nhân, các loại hình doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, các tổ chức KH-CN. Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tiếp cận các nguồn lực; xác lập các quyền tài sản (nhà lưới, nhà màng, nhà kính, hệ thống tưới tiêu...) trên đất nông nghiệp để các doanh nghiệp có cơ sở vay vốn; mở rộng và nói các tiêu chuẩn để các cơ sở sản xuất lĩnh vực này tiếp cận được nguồn vốn từ ngân hàng.

Nhà nước cũng cần đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tăng cường vốn từ ngân sách của các địa phương cho các hoạt động xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài ra, công tác truyền thông để các nhà đầu tư trong và ngoài nước nắm bắt cơ hội đầu tư từ các thông tin và định hướng về chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động đầu tư tại khu vực sản xuất nông nghiệp cũng cần được chú trọng như: chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế nhập khẩu, chính sách bảo hiểm nông nghiệp. Điều này sẽ góp phần khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước trong việc đảm bảo tính pháp lý về quyền lợi của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này.

Thứ ba, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, giảm dần chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, đặc biệt cần có những chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm tại các vùng nông thôn, miền núi nơi có tỷ lệ di dân lớn. Giám sát chặt chẽ, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp và đất rừng chuyển sang làm công nghiệp nhằm giảm lực đẩy cho những nơi xuất cư. Một mặt, tạo đà cho phát triển bền vững tại địa

phương, người dân có thêm cơ hội việc làm, thu nhập để cải thiện đời sống, từ đó, gắn bó hơn với làm nông nghiệp nói chung, nông nghiệp công nghệ cao nói riêng.

Thứ tư, tăng cường các hoạt động đào tạo cho lực lượng lao động nông nghiệp công nghệ cao. Đào tạo nghề phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên từng địa bàn cụ thể và nhu cầu thực tế của người dân. Do đó, từng địa phương cần có những nghiên cứu đánh giá để nắm bắt nhu cầu cụ thể của từng nghề, nhóm nghề vị trí công việc... của doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhân lực phù hợp.

Bên cạnh đó, cần có chính sách đãi ngộ hợp lý với cán bộ nghiên cứu nông nghiệp trẻ để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu ngày càng tăng cao; có chiến lược đào tạo các nhà khoa học đầu ngành ngang tầm quốc tế, khuyến khích những người có khả năng tham gia các tổ chức nghiên cứu quốc tế, hay mời các chuyên gia quốc tế vào tham gia điều hành các nhóm nghiên cứu liên ngành để nâng cao khả năng hội nhập KHCN nông nghiệp của Việt Nam

Thứ năm, tăng cường các biện pháp hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ theo hướng: i) phát triển mạnh hơn hạ tầng thương mại đối với mặt hàng nông sản, đầu tư có trọng điểm, đồng bộ những điểm thu gom, hệ thống mạng lưới thu gom, hệ thống mạng lưới phân phối đồng bộ gắn liền với quy hoạch các nhà máy, gắn với vùng sản xuất góp phần hỗ trợ tối đa việc mở rộng thị trường tiêu thụ; ii) Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu tìm hiểu thông tin thị trường để mở ra kênh thông tin và kênh tiêu thụ một cách bài bản. Nhà nước phải đứng ra đảm nhiệm vai trò kết nối với các doanh nghiệp trong việc đàm phán, xây dựng kênh phân phối, tạo chuỗi liên kết bền vững cả thị trường trong nước và nước ngoài.

Thứ sáu, phát triển một chiến lược bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hợp lý để thúc đẩy sản xuất cũng như kinh doanh mặt hàng nông sản công nghệ cao. Theo đó, chiến lược sở hữu trí tuệ cần xác định được những tài sản trí tuệ doanh nghiệp đã có và có thể có trong tương lai cũng như kế hoạch duy

trì, bảo vệ cũng như khai thác các tài sản trí tuệ đã tạo ra.

Do tính chất khá phức tạp của các hệ thống quy định về quyền sở hữu trí tuệ, các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam nên tìm sự trợ giúp của các chuyên gia về sở hữu trí tuệ, về tiếp thị và về điều tra thị trường, để hỗ trợ việc xây dựng chiến lược về sở hữu trí tuệ một cách phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra, Nhà nước cần có các biện pháp thúc đẩy xây dựng mối liên kết hợp tác sáng tạo giữa doanh nghiệp, nông dân, viện nghiên cứu và Nhà nước giúp tạo dựng, bảo vệ và khai thác hiệu quả hơn các tài sản trí tuệ góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam.

Thứ bảy, thiết lập và nâng cao các tiêu chuẩn về bảo vệ quyền con người, bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao hướng tới xuất khẩu, phù hợp với các tiêu chuẩn của quốc tế, đặc biệt là các yêu cầu của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia. Điều này có thể sẽ cần cụ thể hóa bằng một số văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, có thể dưới dạng Nghị định hoặc Thông tư. Bên cạnh đó, để đảm bảo việc tuân thủ các cam kết quốc tế, các biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến các quy định về tiêu chuẩn môi trường, bảo vệ quyền con người cần được chú trọng hơn nữa.

5. Kết luận

Khi mà các nước đối mặt với mối đe dọa ngày càng tăng của biến đổi khí hậu, thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên và áp lực dân số, họ sẽ ngày càng cần phải đẩy mạnh và thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Có nhiều yếu tố quyết định sự thành công của phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam. Và hơn ai hết, Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và tổ chức triển khai chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, tạo đà bứt phá cho nông nghiệp Việt Nam, hướng tới một nền nông nghiệp xanh, sạch và bền vững.

Tài liệu tham khảo

[1]. Thế Hưng, “*Nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước ngã ba đường*”, <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/nong-nghiep-viet-nam-dang-dung-truoc-nga-ba-duong-20161030064014869.htm>, truy cập ngày 25/4/2022.

[2]. Zhang J., Wang J.&Li C. (2010), Problems and countermeasures on the development of precision agriculture in Heilongjiang province. International Federation for Information Processing. Berlin, Heidelberg. Springer Berlin Heidelberg, 461-465 . Retrieved from https://link.springer.com/content/pdf/10.1007%2F978-3-642-12220-0_67.pdf on April 5, 2021.

[3]. National Bank for Agriculture and Rural development (2020), High-tech Agriculture in India. National paper Retrieved from <https://www.nabard.org/auth/writereaddata/CareerNotices/2309195507HighTech%20Agriculture.pdf> on June 2, 2021

[4]. Lê Linh (2020), “*Phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC*”, Truy cập từ <https://dangcongsan.vn/khoa-hoc-va-cong-nghe-voi-su-nghiep-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc/diem-nhan-khoa-hoc-va-cong-nghe/phat-trien-nong-nghiep-ung-dung-cong-nghe-cao-563993.html>, ngày 02/05/2021.

[5]. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2020), “*Vai trò của công nghệ đối với phát triển nông nghiệp CNC trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế, sinh thái và xã hội tại Việt Nam hiện nay*”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, 36(1): 8-18.

[6]. Ngọc Quỳnh, “*Việt Nam hướng tới nền nông nghiệp công nghệ cao*”, <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Nong-nghiep/1026605/viet-nam-huong-toi-nen-nong-nghiep-cong-nghe-cao> truy cập 25/4/2022.

[7]. Xuân Anh (2019), “*Đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao - Bài 1*”, <https://bnews.vn/dau-tu-vao-nong-nghiep-cong-nghe-cao-bai-1-kho-tiep-can-nguon-luc/120156.html>, truy cập ngày 16/10/2021.

[8]. Nguyễn Phước Long - Trần Cao Thành, “*Giới hạn diện tích được nhận chuyển quyền đất nông nghiệp của cá nhân, hộ gia đình: từ quy định pháp luật đến thực tiễn thực thi*”, *Tạp chí Công thương*, số 20 - Tháng 8/2020, tr.64.

[9]. Anh Lê, “*Việt Nam chỉ cho KHCN chưa đến 20% của Singapore*”, <https://viettimes.vn/viet-nam-chi-cho-khoa-hoc-cong-nghe-chua-den-20-cua-singapore-post104729.html>, truy cập ngày 29/10/2021.

[10]. Lê Thị Hiền, “*Một số vấn đề về phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện nay ở Việt Nam*”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, tháng 11/2019, tr.56.

[11]. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012-2019), *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2012-2019*.

[12]. Phạm Thu Phương - Vĩnh Bảo Ngọc, “*Đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong bối cảnh mới và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam*”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, số 01 (173) tháng 1/2020, tr.53.

[13]. Trịnh Anh Tuấn, “*Một số nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp công nghệ cao*”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, tháng 1/2021, tr.74.

[14]. Bích Hồng, “*Năm 2020, nông nghiệp sẽ thiếu khoảng 3,2 triệu lao động qua đào tạo*”, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/nam-2020-nong-nghiep-se-thieu-khoang-32-trieu-lao-dong-qua-dao-tao-519953.html>, truy cập ngày 16/10/2021.

[15]. Trungtamwto.vn (07/6/2021), “*Nông sản Việt Nam: Thiếu chiến lược cụ thể về quyền sở hữu trí tuệ!*”, <http://tbtagi.angiang.gov.vn/nong-san-viet-nam-thieu-chien-luoc-cu-the-ve-quyen-so-huu-tri-tue-10908.html>, truy cập ngày 16/10/2021.

[16]. Trần Huy Quang, “*Nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ và quản lý tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp*”, <https://skhcn.namdinh.gov.vn/mDefault.aspx?sname=sokhoahoccongnghe&sid=2241&pageid=695&catid=45402&id=133937&catname=HOAT-DONG-KHOA-HOC-CONG-NGHE-NAM-DINH&title=Nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-bao-ho-va-quan-ly--tai-san-tri-tue-cho-cac-san-pham-nong-nghiep>, truy cập ngày 16/10/2021.